| | |
|---|---|
| TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ<br>**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: 176/QĐ-CTHADS | *Cà Mau, ngày 24 tháng 5 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố công khai giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

## CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017 ngày 15/6/2017;*

*Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau về việc giao điều chỉnh, bổ sung toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (theo phụ lục đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn tổ chức thực hiện Quyết định này./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Vụ KHTC-TCTHADS (b/c);<br>- Niêm yết trụ sở;<br>- Cổng thông tin Cục;<br>- Lưu: VT, KTNS. | **CỤC TRƯỞNG**<br><br>**Huỳnh Hoàng Khâm** |

*Biểu số 01 - Ban hành kèm theo Thông tư 90 ngày 28/9/2018 của BTC*

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU

Chương: 014

# CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Kèm theo Quyết định số 176/QĐ-CTHADS ngày 24 tháng 5 năm 2025 của Cục Trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

Đvt: 1.000 đ

| TT | Nội dung | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Trong đó | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Văn phòng Cục | Chi cục THADS tp Cà Mau | Chi cục THADS huyện U Minh | Chi cục THADS huyện Thới Bình | Chi cục THADS huyện Cái Nước | Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời | Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển | Chi cục THADS huyện Năm Căn | Chi cục THADS huyện Phú Tân | Chi cục THADS huyện Đầm Dơi |
| **A** | **TỔNG SỐ THU, CHI NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại ( Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng Cục ) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Số phí nộp ngân sách nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| B | **DỰ TOÁN CHI NSNN** | **129.680** | **129.680** | **80.880** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **48.800** | **0** | **0** |
| I | **QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ( LOẠI 340 KHOẢN 341 )** | **48.800** | **48.800** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **48.800** | **0** | **0** |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 48.800 | 48.800 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 48.800 | 0 | 0 |
| 1.1 | KP thực hiện chế độ tự chủ | 48.800 | 48.800 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 48.800 | 0 | 0 |
| 1.2 | KP thực hiện chế độ không tự chủ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| III | **Kinh phí đào tạo giao không thực hiện tự chủ (Loại 070- Khoản 085)** | **80.880** | **80.880** | **80.880** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |